

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THẠCH THÀNH  
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 30 - 6 - 2020

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THÀNH TỈNH THANH HOÁ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Cúc

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Hà Long Biên

2. Ông Nguyễn Văn Quý

*- Thư ký phiên tòa:* Ông Bùi Đức Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá.

*- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hoàn - Kiểm sát viên

Ngày 30 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 43/2020/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2020 về: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 16/2020/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

*- Nguyên đơn:* Chị Lê Thị Đ; sinh năm: 1986

HKTT: Xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hoá.

Nơi ở hiện tại: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hoá.

*- Bị đơn:* Anh Bùi Văn Q; sinh năm: 1986

HKTT: Xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hoá.

Nơi ở hiện tại: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hoá.

Tại phiên tòa vắng mặt chị Đ và anh Q. Chị Đ có đơn xin xét xử vắng mặt; anh Q vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện đề ngày 02/3/2020 và bản tự khai ngày 12/3/2020 chị Lê Thị Đ trình bày: Chị và anh Bùi Văn Q kết hôn tự nguyện, đăng ký ngày 29/3/2007 tại UBND thị trấn V, huyện T, tỉnh Thanh Hoá. Sau ngày cưới, cuộc sống vợ chồng hoà thuận đến năm 2018 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, luôn bất đồng quan điểm. Anh Q không chịu cùng chị vun vén, chăm lo cho gia đình. Đẩy hết mọi công việc trong nhà cho

một mình chị lo toan, chị đã nhiều lần khuyên giải, cố gắng chịu đựng để mong anh Q thay đổi và suy nghĩ lại mọi việc. Nhưng thời gian kéo dài, anh Q không chịu thay đổi, bỏ mặc gia đình vợ, con, mẹ già đau ốm. Đến nay, chị xét thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Q.

Về con cái: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Bùi Quyết T, sinh ngày 31/3/2008 và Bùi Thị Lợi L, sinh ngày 11/01/2013. Ly hôn, chị Đ yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con, không yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản: Chị Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án cho anh Bùi Văn Q nhưng anh Q không có ý kiến gì. Tòa án cũng đã triệu tập anh Q hai lần để nộp bản tự khai nhưng anh Q đều vắng mặt nên không có lời khai của anh Q trong hồ sơ vụ án.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Tòa án đã xác định đúng quan hệ pháp luật và tư cách tố tụng của các đương sự trong vụ án. Từ giai đoạn thụ lý vụ án cho đến khi mở phiên tòa xét xử sơ thẩm, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án cũng như các thành viên của Hội đồng xét xử (Sau đây viết tắt là HĐXX), Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (Sau đây viết tắt là BLTTDS). Bị đơn đã không tuân thủ các quy định của BLTTDS. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình để xử cho chị Lê Thị Đ được ly hôn anh Bùi Văn Q; Về con cái: Giao con chung là các cháu Bùi Quyết T và Bùi Thị Lợi L cho chị Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Về việc cấp dưỡng nuôi con chung và tài sản chung, chị Đ không yêu cầu nên miễn xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, các quy định của pháp luật, HĐXX nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đây là vụ án Hôn nhân và gia đình có con chưa thành niên và trong quá trình giải quyết vụ án, do các bên đương sự chưa thống nhất được các vấn đề tranh chấp trong vụ án nên Tòa án đã tiến hành xác minh để xác định nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp theo khoản 3 Điều 208 BLTTDS và đã thông báo kết quả thu thập tài liệu chứng cứ cho các bên đương sự cũng như Viện kiểm sát được biết.

Cũng trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho các bên đương sự, nhưng anh Q không có mặt nên tòa án đã thông báo kết quả kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho anh Q theo khoản 3 Điều 210 BLTTDS. Anh Q đã được triệu tập họp lệ đến phiên hoà giải hai lần nhưng đều không đến để tham gia hoà giải nên Tòa án không tiến hành hoà giải được. Đây là trường hợp

không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1 điều 207 BLTTDS. Tại phiên tòa, chị Đ vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Q đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238 BLTTDS, Tòa án xét xử vắng mặt chị Đ và anh Q.

[2]. Về hôn nhân: Chị Lê Thị Đ và anh Bùi Văn Q kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn năm 2007 tại UBND thị trấn Vân Du, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá và không vi phạm các điều cấm Luật hôn nhân và gia đình, như vậy là hôn nhân hợp pháp và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo khoản 1 Điều 28 BLTTDS. Sau khi kết hôn, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hòa hợp, không cùng chung quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra cãi cọ và xúc phạm lẫn nhau. Vợ chồng đã sống ly thân nhau, không ai quan tâm đến ai. Việc này đã được các cấp chính quyền xã T xác nhận và cũng phù hợp với nội dung mà Tòa án tiến hành xác minh tại địa phương. Chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Lê Thị Đ được ly hôn anh Bùi Văn Q.

[3]. Về con cái: Chị Lê Thị Đ và anh Bùi Văn Q có hai con chung. Hiện nay hai cháu đang ở với chị Đ. Chị Đ có công việc và thu nhập ổn định đủ điều kiện để nuôi con. Hai cháu Thắng và Lợi đều có nguyện vọng được ở với mẹ. Xét hoàn cảnh thực tế, hai cháu T và L lâu nay đang ở với chị Đ, để đảm bảo khả năng phát triển bình thường, điều kiện học tập, tránh sự xáo trộn trong cuộc sống và sinh hoạt hàng ngày của các cháu, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của chị Đ, giao hai cháu Bùi Quyết T và Bùi Thị Lợi L cho chị Đ được trực tiếp nuôi dưỡng nhằm đảm bảo quyền lợi cho con trẻ là cần thiết, phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh và các quy định của pháp luật. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, chị Đ không yêu cầu nên miễn xét.

[4]. Về tài sản: Chị Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[5]. Về án phí: Chị Đ phải chịu án phí sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147 BLTTDS. Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Xử cho chị Lê Thị Đ được ly hôn anh Bùi Văn Q.

Về con cái: Giao hai cháu Bùi Quyết T, sinh ngày 31/3/2008 và Bùi Thị Lợi L, sinh ngày 11/01/2013 cho chị Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Q có quyền qua lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Về án phí: Chị Lê Thị Đ phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền chị đã nộp tạm ứng

án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạch Thành, theo biên lai số AA/2018/0002692 ngày 11/3/2020. Chị Đ đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt chị Lê Thị Đ và anh Bùi Văn Q. Chị Đ và anh Q có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- VKSND huyện Thạch Thành;
- UBND thị trấn V;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Cúc**